

Bản án số: 05/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 15 - 7 - 2025
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Ngọc An.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Bạch Tuyết;
2. Ông Trần Hữu Nghĩa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Trúc Linh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Lâm Hà Thuyên – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 48/2025/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2025 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Lương Quốc Đ, sinh năm 1994;

Cư trú tại: Ấp N, xã C, huyện T, tỉnh N (nay là ấp N, xã C, tỉnh N); CCCD: 072094004219, Cục CS QLHC về trật tự xã hội cấp ngày 26/9/2019; vắng mặt

2. Bị đơn: Chị Bùi Cẩm T, sinh năm 2000;

Cư trú tại: Ấp H, xã L, huyện B, tỉnh N (nay là ấp H, xã L, tỉnh N); CCCD: 072300000855, Cục CS QLHC về trật tự xã hội cấp ngày 28/12/2017; vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – anh Lương Quốc Đ trình bày:

- Về hôn nhân: anh và chị Bùi Cẩm T chung sống vợ chồng từ năm 2020, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh N. Hôn nhân tự nguyện. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn ngày một nặng nề hơn bất đồng quan điểm, vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay nên anh yêu cầu ly hôn với chị Bùi Cẩm T.

- Về con chung: anh và chị Bùi Cẩm T không có con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Bùi Cẩm T: đã được triệu tập hợp lệ đến Tòa án nhiều lần để cung cấp lời khai; tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải vụ án nhưng chị T đều vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa:

* *Nguyên đơn anh Lương Quốc Đ:* có đơn xin vắng mặt.

* *Bị đơn chị Bùi Cẩm T:* đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do.

* *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng (nguyên đơn anh Đ) trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã tuân thủ theo trình tự thủ tục, thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do tại phiên tòa.

- Về việc giải quyết vụ án:

+ Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lương Quốc Đ đối với chị Bùi Cẩm T. Anh Đ được ly hôn với chị T.

+ Về con chung: anh Đ và chị T không có con chung.

+ Về tài sản chung, nợ chung: ghi nhận anh Đ không yêu cầu giải quyết.

+ Về án phí: anh Đ phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh nhận định:

[1] Về tố tụng: anh Đ có đơn xin xét xử vắng mặt; chị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Đ và chị T.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: anh Đ và chị Tchung sống với nhau năm 2020, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh N ngày 27/11/2020, giấy chứng nhận kết hôn số 78 (bút lục số 03). Căn cứ Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử nhận định hôn nhân giữa anh Đ và chị T là hợp pháp. Căn cứ vào trình bày của anh Đ và các tài liệu thu thập được, Hội đồng xét xử thấy rằng: Cuộc sống vợ chồng của anh Đ và chị T đã phát sinh mâu thuẫn từ đầu năm 2022 và anh chị không còn chung sống vợ chồng từ đó đến nay, cuộc sống hôn nhân của vợ chồng anh Đ, chị T không còn hạnh phúc. Do đó, có căn cứ xác định tình trạng hôn nhân giữa anh Đ và chị T ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Đ đối với chị T.

[2.2] Về con chung: anh Lương Quốc Đ và chị Bùi Cẩm T không có con chung.

[2.3] Về tài sản chung: anh Lương Quốc Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: anh Lương Quốc Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[4] Do đó đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11, tỉnh Tây Ninh là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về “tranh chấp ly hôn” của anh Lương Quốc Đ đối với chị Bùi Cẩm T.

- Về quan hệ hôn nhân: anh Lương Quốc Đ được ly hôn với chị Bùi Cẩm T.
- Về nuôi con chung: anh Lương Quốc Đ và chị Bùi Cẩm T không có con chung.
- Về tài sản chung và nợ chung: anh Lương Quốc Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: anh Lương Quốc Đ phải chịu án dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0002114 ngày 05 tháng 3 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh; anh Đ đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: anh Đ và chị T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ tại UBND xã (phường), nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV và THA TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 11;
- Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh;
- Đương sự;
- UBND xã An Cơ (số 78-27/11/2020);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Ngọc An